

Bản án số: 133/2021/HNGĐ-ST

Ngày 25 – 6 - 2020

V/v ly hôn, con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Minh Thịnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Nguyễn Văn Hiền

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 226/2021/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 278/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Kim V, sinh năm 2000; cư trú tại: Ấp MĐ, xã ĐT, huyện CN, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Tiểu B, sinh năm 1998; cư trú tại: Ấp TL A, xã TAK Nam, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Chị Trần Kim V trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị V với anh Lê Tiểu B kết hôn năm 2019, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện CN, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, anh B thường xuyên nhậu, không chăm lo cuộc sống gia đình, vợ con nên thường xuyên cãi nhau. Nay chị V yêu cầu ly hôn với anh B.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Lê Gia H, sinh ngày 20/7/2018 hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu H, yêu cầu anh B cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Vợ chồng không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

*Đối với anh Lê Tiểu B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị V.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Kim V khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung với anh Lê Tiểu B là vụ kiện tranh chấp ly hôn và con chung, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Còn anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 xét xử vắng mặt chị V, anh B.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2019, chị V và anh B kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh B được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo chị V xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, tuy nhiên anh B không có ý kiến. Như vậy, những mâu thuẫn do chị V xác định thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ đó, Hội đồng xét xử khẳng định anh B không thật sự còn quan tâm hay tha thiết gì đến mối quan hệ hôn nhân với chị V, không có thiện chí phối hợp với Tòa án để giải quyết vụ án.

Xét thấy: Trong cuộc sống vợ chồng giữa chị V và anh B đã có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được là thực tế có xảy ra. Việc này được thể hiện là kể từ thời gian ly thân, cũng như từ khi chị V nộp đơn yêu cầu ly hôn thì anh B, chị V cũng không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm. Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định hiện nay cả hai không còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử khẳng định mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa chị V và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống

chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V về quan hệ hôn nhân.

[5] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu H chưa tròn 36 tháng tuổi, hiện sống chung với chị V. Khi ly hôn, chị V yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H, tuy nhiên anh B không có ý kiến. Xét thấy: Hiện nay chị V đang đi làm có thu nhập ổn định nên chị đảm bảo điều kiện nuôi cháu H. Đồng thời, trong thời gian cháu H sống chung với chị thì cháu phát triển bình thường về thể chất, tinh thần. Do đó, để tránh thay đổi về môi trường sống, cũng như sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần của cháu H nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V về con chung, giao cháu H cho chị V được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Xét yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại đơn khởi kiện, chị V yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ. Tuy nhiên, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị V không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[7] Xét về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị V xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh B thì không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[8] Xét về án phí dân sự: Chị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 5; Điều 91; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Kim V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Kim V được ly hôn với anh Lê Tiểu B.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Gia Hân, sinh ngày 20/7/2018 cho chị Trần Kim V được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Tiểu B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự: Chị Trần Kim V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0012043 ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị Vẹn đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Đông Thới, huyện Cái Nước;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Minh Thịnh**